

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST

Ngày 01 - 11 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tống Thị Thương

Bà Phạm Thị Hồng Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2018/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T; địa chỉ: Thị trấn B, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn D; địa chỉ: Thị trấn B, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Cát Hải của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn D trước đây đã từng kết hôn với nhau lần thứ nhất vào năm 2011, đã tiến hành giải quyết ly hôn năm 2014 sau đó đến năm 2015 đăng ký kết hôn lại tại UBND thị trấn B, huyện H, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên có chuyện va chạm, cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bên cạnh đó anh D chỉ mải chơi bời

không chịu làm ăn đóng góp vào kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Hiện nay hai bên đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn D

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn D có ba con chung là Bùi Đức M sinh ngày 21 tháng 12 năm 2011, Bùi Đức T và Bùi Đức T sinh cùng ngày 15 tháng 6 năm 2015. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị sẽ nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung vì hiện nay anh D mãi chơi bời, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không thể nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã triệu tập anh Bùi Văn D nhiều lần đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình nhưng anh D không có mặt và không gửi bản trình bày đến phiên tòa. Tại phiên tòa anh D có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng không đưa ra quan điểm về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương, gia đình hai bên cũng như việc trình bày ý kiến của đương sự đều thể hiện việc nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn trầm trọng. Do tính cách và cách sống khác biệt nhau và do anh Bùi Văn D mãi chơi bời không quan tâm đến vợ con, nên mâu thuẫn của hai bên ngày càng trầm trọng. Hai bên đương sự có 03 con chung là Bùi Đức M sinh năm 2011, Bùi Đức T và Bùi Đức T cùng sinh năm 2015 hiện nay đang ở với mẹ ở nhà bà ngoại, thị trấn B, huyện Cát Hải. Anh Bùi Văn D hiện không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, chị Nguyễn Thị Hồng T đang làm quản lý khách sạn có thu nhập ổn định hàng tháng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tổ tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai cũng như không có mặt tại phiên hòa giải gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Bùi Văn D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015, có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do tính cách và cách sống của hai anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cuộc sống giữa hai vợ chồng căng thẳng. Anh D mãi chơi bời không quan tâm đến vợ con, không đóng góp vào kinh tế gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chính quyền địa phương, gia đình và Tòa án đã nhiều lần thông báo hòa giải tuy nhiên không thành công.

Chị T và anh D có ba con chung là Bùi Đức M sinh ngày 21 tháng 12 năm 2011, Bùi Đức T và Bùi Đức T cùng sinh ngày 15 tháng 6 năm 2015. Hiện nay cả ba con chung đang ở với chị T tại nhà bà Bùi Thị C mẹ đẻ của chị T. Chị T có công việc và thu nhập ổn định, anh D không có thu nhập ổn định. Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung đương sự không yêu cầu.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải có quan điểm như sau:

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Bùi Văn D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với bị đơn anh Bùi Văn D; giao ba con chung là Bùi Đức M, Bùi Đức T và Bùi Đức T cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn B, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Toà án đã tiến hành triệu tập các đương sự để lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để hai bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo quy định tại Điều 205, 208 và Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh vì vậy Tòa án không lấy được lời khai, hòa giải và công khai chứng cứ cho nên phải đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Văn D tuy vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Bùi Văn D có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, bên cạnh đó do anh D mãi chơi bời, lười lao động không quan tâm tới vợ con nên mâu thuẫn giữa hai bên trở nên vô cùng trầm trọng không thể giải quyết được. Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tạo điều kiện cho hai bên đương sự về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên tại hai phiên hòa giải bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng điều này thể hiện bị đơn đã không muốn đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ở nơi cư trú và lời khai của nguyên đơn, đều thể hiện hai bên đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Bùi Văn D có ba con chung gồm: Bùi Đức M sinh ngày 21 tháng 12 năm 2011, Bùi Đức T và Bùi Đức T cùng sinh ngày 15 tháng 6 năm 2015. Xét thấy chị T có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh điều tra hai bên gia đình anh D và chị T cho thấy: Chị T có công việc, thu nhập và nơi cư trú ổn định, anh D không có công việc và thu nhập ổn định, nên yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con là có căn cứ cần được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Giao ba con chung gồm: Bùi Đức M, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2011, Bùi Đức T và Bùi Đức T cùng sinh ngày 15 tháng 6 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0010177 ngày 26 tháng 6 năm 2018.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn B, huyện H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Biên

